

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 07/02/2020
V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản và Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: bà Lương Thị Mỹ Hiền, Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 148/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1985, địa chỉ: X Tổ Y, ấp A, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: ông **Trần Tấn Đ**, sinh năm 1976, địa chỉ: ấp L, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lâm Văn P1, sinh năm 1968, địa chỉ: ấp A, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

2. Bà Thái Phi P2, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp A, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: từ năm 2015 đến năm 2018 ông Trần Tấn Đ nhiều lần mượn tiền của bà với tổng số tiền là 470.000.000 đồng, đều có biên nhận do ông Đ tự viết nhưng đến nay chưa trả. Cụ thể: ngày 30/8/2015 mượn 20.000.000 đồng; ngày 14/10/2015 mượn 15.000.000 đồng lãi suất 3%/tháng, thời hạn 01 tháng; ngày 22/11/2015 mượn hai lần số tiền lần lượt là 72.000.000 đồng, 73.000.000 đồng; ngày 27/9/2018 mượn 20.000.000 đồng, thời hạn 04 tháng; ngày 20/10/2018 mượn 20.000.000 đồng, ngày 22/10/2018 mượn 30.000.000 đồng và mượn thêm 100.000.000 đồng không làm biên nhận mà lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; ngày 23/10/2018 mượn 20.000.000 đồng; ngày 30/10/2018 mượn 100.000.000 đồng, thời hạn 04 tháng. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Đ trả cho bà số tiền vốn 470.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật tính từ ngày 22/8/2018 đến nay trong các biên nhận ngày 30/8/2015, ngày 22/11/2015 (khoản vay 73.000.000 đồng), ngày 27/9/2018, ngày 20/10/2018, ngày 22/10/2018, ngày 23/10/2018; tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/8/2018, bà sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định pháp luật về tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữ yêu cầu bị đơn trả số tiền 370.000.000 đồng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu về tiền lãi, tách yêu cầu giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2019, ngày 26/4/2019, ngày 29/4/2019, ngày 17/10/2019 bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ông Trần Tấn Đ trả số tiền nợ vay là 470.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/8/2018. Tòa án nhân dân huyện P đã thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản để giải quyết theo thẩm quyền. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/8/2018 giữa bà T với ông Đ, đối tượng hợp đồng là thửa đất 1479, tờ bản đồ số 05, đất tại khu vực H, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ; theo quy

định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nơi có bất động sản, do đó Tòa án nhân dân huyện P không thụ lý yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

[2] Ông Trần Tấn Đ đã được triệu tập họp lệ nhưng không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/4/2019, ngày 28/6/2019, ngày 20/12/2019 nên vụ án không hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, triệu tập ông Đ tham gia phiên tòa ngày 15/01/2020, ngày 07/02/2020 nhưng ông Đ không đến tham dự. Đồng thời bà T có yêu cầu và Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Đ vẫn không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Theo các giấy mượn nợ ngày 30/8/2015, ngày 14/10/2015, ngày 22/11/2015, ngày 27/9/2018, ngày 20/10/2018, ngày 22/10/2018, ngày 23/10/2018, ngày 30/10/2018, ông Đ nhiều lần vay tiền của bà T. Qua giám định chữ ký xác định chữ ký, chữ viết tên Trần Tấn Đ trên 09 giấy mượn nợ và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất so với chữ ký, chữ viết tên Trần Tấn Đ có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ đều do cùng một người ký tên, viết ra. Người làm chứng Lâm Văn P1 cũng thừa nhận biết sự việc ông Đ mượn tiền bà T vào ngày 20/10/2018, ngày 22/10/2018, ông Đ là người viết giấy mượn nợ và ông P1 có ký tên người làm chứng. Như vậy, giữa nguyên đơn, bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản, ông Đ đã nhận tiền nhưng không đóng lãi, đến nay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với các khoản nợ vay ngày 14/10/2015 thời hạn một tháng, khoản nợ vay ngày 22/11/2015 thời hạn hai tháng, sau đó ông Đ không trả nợ nhưng đến ngày 22/02/2019 bà T mới khởi kiện là quá thời hiệu khởi kiện theo quy định là hai năm. Do đó, bà T yêu cầu đòi lại tài sản là phần vốn bằng số tiền 87.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là phù hợp. Đối với 02 biên nhận ngày 22/11/2015 mượn số tiền lần lượt 72.000.000 đồng và 73.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh ông Đ hai lần nhận tổng số tiền 145.000.000 đồng, cũng không có người làm chứng; mặt khác, biên nhận 73.000.000 đồng không ghi cụ thể năm sinh, số chứng minh nhân dân, địa chỉ của ông Đ. Vì vậy, biên nhận ngày 22/11/2015 với số tiền 73.000.000 không đủ cơ sở xác định ông Đ có vay của bà T thêm số tiền này. Như vậy, ông Đ có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn cho bà T theo các giấy mượn nợ ngày

30/8/2015 là 20.000.000 đồng, ngày 14/10/2015 là 15.000.000 đồng, ngày 22/11/2015 là 72.000.000 đồng, ngày 27/9/2018 là 20.000.000 đồng, ngày 20/10/2018 là 20.000.000 đồng, ngày 22/10/2018 là 30.000.000 đồng, ngày 23/10/2018 là 20.000.000 đồng, ngày 30/10/2018 là 100.000.000 đồng, tổng cộng là **297.000.000** đồng.

[5] Về tiền lãi, tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông Đ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 22/8/2018 trong khi các khoản vay ngày 30/8/2015, ngày 20/10/2018, ngày 22/10/2018, ngày 23/10/2018 là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về tiền lãi.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn chịu án phí 5% tương ứng phần nghĩa vụ phải thực hiện, nguyên đơn chịu án phí phần không được chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 471, Điều 427, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Tấn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 297.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tách yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/8/2018 giữa ông Trần Tấn Đ với bà Nguyễn Thị Thanh T thành vụ án khác.

Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: bà T chịu 4.936.000 đồng (đã nộp xong).

Chi phí giám định chữ ký: ông Đ chịu 4.500.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng nên ông Đ có nghĩa vụ trả lại bà T 4.500.000 đồng. Bà T nhận lại 500.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện P.

Án phí dân sự sơ thẩm: ông Đ nộp 14.850.000 đồng. Bà T nộp 3.650.000, khấu trừ số tiền 11.400.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 005315 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, bà T được nhận lại 7.750.000 đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THADS H. P;
- Lưu (HS - 2b).

Liêng Thị Hồng Hoa